Sau năm 1986, nhịp sống hiện đại đã đưa con người đến gần hơn với đời sống văn minh - khoa học. Thế nhưng đằng sau “ánh sáng văn minh” đó là âm ỉ những khủng hoảng, đổ vỡ về đạo đức - lối sống của con người dẫn tới sự mất đi của nhiều yếu tố văn hóa, quan hệ xã hội. Đứng trước hiện thực bất toàn với ẩn tàng những điều chưa thể lí giải được, cái nhìn duy lí của khoa học trở nên bất lực khi đi tìm lời giải đáp cho muôn điều “bất khả tri” ấy.

Văn học vì thế không chỉ đi vào phần “nhìn thấy” từ đời sống ý thức của con người mà còn khai sâu hơn vào vùng mờ tâm linh bí ẩn của đời sống vô thức, tiềm thức. Hẳn nhiên trong muôn hình vạn trạng của đời sống tâm linh ấy không thể không kể đến tín ngưỡng dân gian - một mạch ngầm trong cơ tầng văn hóa in hằn vào tâm thức của mỗi người, mà nói như C. Jung đó là chứng tích của “vô thức tập thể” có mặt trong đời sống tinh thần của con người hôm nay. Sự trở lại của tín ngưỡng dân gian trong văn học là “vô thức tập thể” đó hay còn là một phương thức của tư duy nghệ thuật mà người nghệ sĩ muốn qua đó lặn vào cõi tầng sâu kín của đời sống tâm hồn đồng thời tìm cách lí giải cho những phần chưa hiểu được của cuộc sống. Với Nguyễn Bình Phương – nhà thơ thấm đẫm tinh thần hậu hiện đại, tín ngưỡng dân gian được dẫn nối trong thơ ông còn là sự “nhận thức lại” các giá trị đầy mới mẻ, mang tính nhân văn sâu sắc.

Tín ngưỡng dân gian có thể hiểu là niềm tin, sự ngưỡng mộ đối với một đối tượng siêu nhiên nào đó có ảnh hưởng, chi phối đến đời sống sinh hoạt của con người. Đó được xem là sản phẩm văn hóa được tạo ra trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội và chính bản thân mà hình thành. Tín ngưỡng dân gian thể hiện niềm tin thơ ngây của ấu thơ nhân loại khi lí giải về những điều chưa biết tồn tại xung quanh sự sống. Tùy vào đặc điểm từng vùng miền, cộng đồng người mà tín ngưỡng dân gian mang những đặc điểm riêng. Với nền nông nghiệp lúa nước thiên về canh tác, trồng trọt, chịu sự tác động, chi phối lớn từ điều kiện tự nhiên, tín ngưỡng dân gian Việt Nam vốn mang dấu ấn văn hóa đậm chất phương Đông. Tín ngưỡng ấy khá phong phú bao gồm tâm thức tôn sùng lực lượng siêu nhiên, sùng bái con người mà cội nguồn chính là quan niệm “vạn vật hữu linh”, “thần cây đa, ma cây gạo” cùng niềm tin con người gồm hai phần: linh hồn và thể xác, trong đó thể xác có thể mất đi còn linh hồn thì luôn bất tử, khi chết đi linh hồn sẽ phiêu dạt và hóa vào kiếp sống khác, sự sống tiếp tục tuần hoàn.

Không chỉ hấp dẫn người đọc ở những tiểu thuyết bị bao phủ bởi không khí chờn vờn hư ảo giữa cõi dương và cõi âm, người sống – kẻ chết, hiện thực – cõi siêu linh huyền bí, các tác phẩm thơ của Nguyễn Bình Phương còn gây ám ảnh ở sắc rờn rợn của Lam chướng, Cậm cam, hồn – vía, sự hiện diện của thế giới bên kia với người âm hiện về rì rầm chuyện trò, là không gian thiêng liêng của những đình làng, miếu, chùa, đền thiêng, mái lạnh… Cái lành lạnh bao trùm lấy cảnh vật, cả cái mai mái của giọt sương đêm hay cái ảo ảnh của mưa mù và sự cựa quậy rùng mình trú trớ của muôn loài, cây cỏ cùng tấu nhịp, sống dậy “âm thanh lạ” trong đêm.

Do đặc trưng của nền nông nghiệp vốn tôn sùng tự nhiên, trong số các vị thần được người Việt tôn thờ chính là thần núi. Họ tin rằng, trong cái bí ẩn của rừng sâu ấy luôn chứa một luồng sinh khí linh thiêng của sự giao thoa âm – dương, đất – trời. Và có sự sinh nào thiêng liêng bằng sự sinh ra con người – tinh hoa của sự hội tụ trời đất ấy. Trong không gian của “trời đất rùng mình” vào thời khắc quan trọng nhất “giờ đã điểm”, con người được tạo ra sau những “lời cầu nguyện”. Giây phút làm nên sự sống, giây phút một sinh linh ra đời đã được Nguyễn Bình Phương tái hiện trong giờ khắc trang nghiêm của cõi trần. Tất cả như được bừng thức, vụt sángbởi không gian linh thiêng mang lại: “*Rừng đen ngùn ngụt khí thiêng/ Sáng dòng sông/ Những cây Cậm Cam sáng/ Sáng vết chân hóa thạch/ Sáng lưng thú/ Sáng tóc…”.*

Được thụ hưởng từ “bầu sinh quyển” tiên linh đó – vùng văn hóa làng xã vốn trọng tiền nhân cùng quan niệm hồn – xác trong mỗi hữu thể, người Việt luôn ý thức dựng am miếu, đền đình thờ phụng hương khói, hoa quả thể hiện lòng biết ơn thành kính với người đã khuất. Sự hiện diện của tín ngưỡng đó trong thơ Nguyễn Bình Phương trước hết ở sự xuất hiện với tần suất lớn những đền đình, miếu thờ, chùa chiền trong không gian làng xã – làng Phan giữa vùng đất Linh Sơn mang hồn thiêng sông núi. Điều đó làm nên “cõi lạ” trong thơ ông mà khi bước vào thế giới ấy, người đọc tưởng như bị dẫn dụ bởi những mê hoặc, ám muội và bị kéo ghì bởi âm khí trì trệ, nặng nề. Thế nhưng, đó chỉ là những ảo ảnh giữa trần đời “một đi không trở lại”, không gian linh thiêng trong thơ Nguyễn Bình Phương thực chất là tiếng gọi của tâm thức văn hóa đang dần bị mai mọt trong đời sống tinh thần của con người hôm nay: “*Linh Sơn có giếng mắt rồng* / *Có cô Chín thượng ngàn ẩn trong ngôi miếu cổ*/ *Đêm Linh Sơn vía bỏ nhà đi*/ *Vía bị con chuồn chuồn dỗ cõng qua sông*/ *Xác xơ cỏ hóa trên đồng”*

Những “giếng mắt rồng”, “Chín thượng ngàn”, “ngôi miếu cổ” gợi thế giới huyền bí linh thiêng với niềm tin về đấng quyền uy sẽ ra tay phù trợ, cứu độ cho con người một thời. Mượn hình ảnh “vía bỏ nhà đi”, tác giả bộc lộ nỗi xa xót về việc bị dẫn dụ dẫn đến “bứng gốc” rời bỏ mạch nguồn văn hóa chảy trong tâm thức con người hiện đại. Sự neo đậu vào niềm tin siêu hình đã không còn hay là sự lung lay của mạch rễ văn hóa đã đến lúc khó giữ được để chỉ còn “*xác xơ cỏ hóa trên đồng”* – chất hương đồng gió nội làm nên hồn cốt “quê nhà” thiêng liêng trong mỗi chúng ta.

Đó còn là cái nhìn khắc khoải, buồn thương vì một làng quê dạt dào sinh khí nay đã “hóa thạch”. Có “con ma ốm dặt dẹo góc vườn” – niềm tin bị bỏ lại, con người hiện đại ráo hoảnh với sự lưu luyến nơi sinh ra, thờ ơ với nguồn cội sự sinh văn hóa. Hành trình sang thị xã, nhập vào cuộc sống đô thị có mấy niềm vui? Bởi: “*Kinh thành với anh lúc chật chội/ lúc mênh mông trống trải/ Tiếng rao thê lương chập chững đi:/ Ai ơi tới kinh kì/ Nhớ mang theo bát nhang tiên tổ”.* Sự gợi lại tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với việc thắp hương “bát nhang tiên tổ” là lời nhắc nhở mỗi người chớ quên cội nguồn trong vòng quay bất tận của cuộc sống hiện đại giữa chốn kinh kì.

Có lẽ vì thế mà Nguyễn Bình Phương đã có cảm nhận về con sông Hồng – con sông thực chảy giữa cuộc đời đã trở thành con sông chảy trong tâm thức văn hóa với cách so sánh liên tưởng độc đáo: *“Sông Hông đê mê hóa một nén hương/Dẫn ý nghĩ về nơi không thể biết…”* (**Bài thơ cũ).** Nén hương khói tỏa với những làn khói mong manh dịu nhẹ được người Việt tâm niệm là thứ kết nối quá khứ - hiện tại, người đã đi qua kiếp sống – kẻ còn lại của dương gian. Con sông Hồng chảy qua những chi lưu uốn lượn, tỏa đi khắp đồng bằng chẳng khác nào nén hương tỏa khói trong không gian mơ hồ đã khẳng định sự hiện diện của sông Hồng từ bao đời nay trở thành nguồn cội văn hóa ăn sâu vào tâm tưởng của mỗi người dân Việt. Và từ sông Hồng – con sông Cái mà cha ông bao đời gieo trồng, cuốc xới, in bóng cuộc đời làm nên nếp ăn, nếp ở, lối ứng xử với tự nhiên – xã hội, tác giả đã dẫn dắt người đọc đến muôn nẻo của sự liên kết văn hóa đó. Con người hiện đại chớ có chỉ nhìn phù sa bãi bờ đắp bồi qua mấy mùa mà quên rằng đằng sau đó là dấu chỉ văn hóa thiêng liêng làm nên hồn cốt của con người hôm nay.

Sự sống trong thơ Nguyễn Bình Phương hiện diện khắp mọi nơi, cả cái hữu thể và vô thể, và kì diệu hơn cả là sự trổi dậy âm ỉ của những bóng hoa, những đất, những đá, mạch rễ cây với đời sống âm bản sinh động, bí huyền. Cái quan niệm “vạn vật hữu linh” trong cách nghĩ của người xưa khiến con người thu mình trước thế giới tự nhiên thì nay trong thơ Nguyễn Bình Phương lại giúp mỗi người mở rộng lòng mình mà lắng nghe, tri nhận: “*Nai kêu/ Rừng ẩm ướt/ Sương mù lên che ngang mặt cây/ Đá rì rầm bên suối…”* **(Ở Định Hóa)**. *“Bãi tha ma Linh Sơn hoang vu/ Cây Cậm Cam rờn xám/ Cơn sốt dậy sắc hồng quái dị/ Trong vàn lá tí xiu/ Những tiếng thở não nề dần chết/ Những vực thẳm lặng lờ/ Mạch rễ vươn chầm chậm…”* **(Ra núi).** Trong sự tọa lạc im lìm, tĩnh lặng của thời gian giữa không gian chết “bãi tha ma”, ngỡ như tất cả đã trầm mình trong hư vô thì sự sống vẫn thành hình. Đâu đó trong lòng đất sâu là cuộc giao tranh âm thầm mà không kém phần dữ dội “tiếng thở não nề dần chết” để đi đến sự tạo sinh ra mầm sống mới “mạch rễ vươn chầm chậm”. Như thế, bên mép vực của sự ra đi não nề ấy vẫn sáng lên dấu vết khai mở của sự sống nguyên sơ và không có sự hoàn kết cho tất cả mọi điều.

Nhưng sự sống lại ngắn ngủi, mong manh làm sao để kháng cự lại sự ra đi ấy, bóng hoa cỏ lởn vởn trong đêm tìm về dương thế có khi “đi lảo đảo trong đêm”, khi “đậu trên cuống run run”. Sự sống là có hạn và cái đẹp càng mong manh nên trong cơn hấp hối đi vào cõi phai tàn, nhiều bóng hoa vẫn lưu luyến neo lại nơi bị chia lìa cõi sống. Thế giới siêu linh mở ra đã giúp người thơ thể hiện sự nhức nhối, day dứt về tạo vật trong nỗi niềm sinh - tử, khai – tàn của sự sống, để mỗi người trong cuộc sống trắc ẩn hơn trước mỗi số phận dẫu có là những bông hoa yếu đuối, vô tri: “*Sáng trong bóng tối/ Một đôi mắt mèo/ Một ngày không ai/ Con đường vắng hồn hoa đi lảo đảo*” **(*Đêm ngà ngà*).** Hay:*“Bóng những bông hoa bị ngắt*/ *Nửa đêm về đậu trên cuống run run/ Sau lưng nở nụ cười lơ đãng*/ *Vầng trăng trên nước tọa im lìm”* **(*Tiếng lạ*)**

Và không chỉ có thế, cả đời sống nguyên sinh được vực dậy với tâm thế hồi quy đã cho thấy một hiện thực mới lạ trong thơ Nguyễn Bình Phương. Trong nỗi luyến tiếc, ưu tư về tạo vật chẳng hề có sự đứt mạch sự sống, mà như cuộc rong ruổi đi – về giữa hai cõi sống – chết, thực – hư, mọi thứ hiện hình trong vẻ đẹp uyên nguyên, tinh tú của niềm vui bừng ngộ:*Con đom đóm về/ Cây Cậm cam về/ Về/ Tất cả/ Để lại hằng hà vết chân mờ sáng/ Ngược đường máu chảy* **(Giờ về).** Với ý nghĩa đó, Nguyễn Bình Phương không chỉ là nhà thơ của sự tri nhận về cõi suy tàn mà còn là “người ẩn mặt” trì níu sự suy tàn ấy.

Nhiều bài thơ của Nguyễn Bình Phương khiến người đọc giật mình thảng thốt, cái thảng thốt của giờ phút tri ngộ về những điều rất đỗi là “mình” trong mỗi chúng ta. Sự trở về của thế giới người âm không chỉ là lời nhắc nhở hậu thế nên bình tâm hơn trong cuộc sống: *“Cuối cùng một người từ thế giới bên kia hồi về/ kể chuyện ngày âm/ ở đó biển không nổi sống mây không bay/ nhưng lá thì tươi thắm****.* (*Ở nơi không có cánh*)** mà còn là niềm luyến tiếc phần quá khứ trong mỗi người: *“Bà già lưng còng/ Bà già lưng còng không sinh được người thì sinh ra ma/ Ma về qua ngõ/ Làm đời thanh xuân*” **(*Khách*)**. Đó còn là kí ức tuổi thơ đẹp đẽ đã qua hay còn là sự sống dậy phần uyên nguyên trong mỗi bản thể chưa bị đánh mất “*Tít phía chiều/ Chú bé gạt khói đến thăm tôi/ Chú vận chiếc áo mỏng/ Hơn cả làn nước trong/ Bàn chân cựa quậy đôi giày cỏ/ Đừng gạ gẫm những trò chơi thủa nhỏ/ Công cống đã già/ Cầu tre thì gãy/ Biết đâu cá cũ mà câu****…*(Không tên).** Không còn nữa thời gian đã mất nhưng đừng đánh mất phần còn mãi trong mỗi chúng ta, điểm hẹn cuối cùng không phải sự mất mà là tìm lại được *“Việc xong tôi lần đến/ Mình tha hồ khi ấy hàn huyên”.*

Mỗi người trong cuộc đời tạm bợ chỉ là “khách của trần gian” trong khi sống phải chở cả “lâu đài âu lo” đến khi nhắm mắt lìa đời thì nên chăng sống cho thanh thản cõi lòng. Thế giới bên kia của *Cám* được phục dựng trong trí tưởng tượng của nhà thơ đã khiến người đọc cảm thấy nhức nhối với những “hỉ nộ ái ố” của đời mình. Qua khoảng trời ấy, cái được gọi là nơi “mỗi người là ước mơ của chính mình” còn có cái day dứt, ám ảnh, những oán hận không ngừng làm tiêu hao bao trí lực : “*Vào các tối thứ Bảy/ Tấm vẫn đi dọc bầu trời cùng những ngọn gió/ Bước chân ngời ngợi ánh trăng/ Trong cỏ úa mênh mông/ Cám đã mộng” …Ôi giấc mộng thiêng liêng giấc mộng khổ đau quyết liệt/ Bị đánh thức bởi tiếng hót oán thù* **(Hồi lại).** Ta đọcthấy thế giới hư ảo mà Nguyễn Bình Phương tạo ra trong thơ mình chính là phiên bản bỏ ngõ của cuộc sống nhưng có nó mới hoàn nguyên các giá trị và sự thức tỉnh lương tri vì thế mà thấm thía đến nhường nào!

Không chỉ thế, thế giới người âm hư ảo ma quái với những thực thể sống động còn là khao khát được hồi lại để thấy phần âm bản trong mỗi người. Trong hành trình đi tìm tha nhân, sự vực trào dậy bóng hình mờ mịt yểm mình trong chiếc gương trong - thế giới cách ngăn thần kì, bí hiểm giữa cõi dương – âm vì thế không còn là sự đối thoại của hai cá thể trong hai cõi mà là sự “nhận mặt” ngay giữa cuộc sống với hai phần thể xác – linh hồn, phần hữu thể - siêu hình trong một bản thể: *“Cuối cùng/ mùa hạ cũng giữ được cho riêng mình/ một buổi chiều lành lạnh/ Cuối cùng/ chiếc gương cũng trào ra những bóng hình ứ đọng”.* Và khi vẽ bức màn tưởng tượng với thế giới khác hiện hữu, có một “tôi” nhìn “tôi”đầy suy tư, để rồi tự vấn, trăn trở về những gì đang sống, có được gì trong cõi sống và mất gì phía chân mây: *“Rạng đông đưa ra/Bóng một người ngự bóng một đám mây/ Đây:/ Khách của trần gian”* **(Về trời).**

Dẫu là niềm tin thơ ngây của buổi đầu còn hạn chế về trình độ tư duy song tín ngưỡng dân gian chưa bao giờ đứt mạch trong sự vận động của nền văn học Việt Nam, có chăng là có sự đậm nhạt khác nhau ở mỗi thời kì, giai đoạn. Đặc biệt từ sau 1975, cuộc sống trở lại với muôn mặt đời thường dung chứa trong nó cả điều khả giải và bất khả giải, lằn ranh sự sống – cái chết trở nên mong manh với những biến cố bất ngờ không lường trước được. Trong tâm thế trực diện đối mặt với những biến động của cuộc sống, nhu cầu nhận thức về bi kịch cá nhân, con người cần một lời giải đáp cho số phận mình. Sự trở lại của tín ngưỡng dân gian như bệ đỡ, chỗ dựa tinh thần cho con người bớt chông chênh khi đối mặt với hiện thực đầy “mảnh vỡ” cũng là thức tỉnh con người chớ “nhẵn mặt” với đời sống thường nhật (Đỗ Lai Thúy). Bằng tín ngưỡng dân gian, văn học nói chung, thơ Nguyễn Bình Phương nói riêng đã góp phần dẫn lối con người vào những điều chưa biết để được thực nghiệm một đời sống khác – huyễn hoặc, bí ẩn và đáng được tri nhận trong sự vẹn toàn, đủ đầy của cuộc sống.